

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 524/2020/DS-ST

Ngày: 29-12-2020.

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh

2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thọ – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 12 năm 2020 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 262/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 350/2020/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 296/2020/QĐSDT-DS ngày 07/12/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Đoàn Thị Ngọc N**, sinh năm: 1971

Địa chỉ: D4/592 ấp 4, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Đỗ Lê Tuyết P**, sinh năm: 1975

Địa chỉ: 305 Liên tỉnh 5, phường 5, quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Bà **Phạm Thị Ngọc L**, sinh năm: 1954

HKTT: A16/493A ấp 1, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Ngô Phước L**, sinh năm: 1970

Địa chỉ: D4/592 ấp 4, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Đỗ Lê Tuyết P**, sinh năm: 1975

Địa chỉ: 305 Liên tỉnh 5, phường 5, quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh

(Bà P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bà L vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Đoàn Thị Ngọc N là bà Đỗ Lê Tuyết P trình bày:

Vào ngày 23/5/2019, bà Đoàn Thị Ngọc N có cho bà Phạm Thị Ngọc L mượn số tiền 375.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng), hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng để bà L đi giải chấp ngân hàng, khi giải chấp xong sẽ trả lại cho bà N hoặc khi nào bà N cần bà L sẽ trả lại cho bà N.

Tuy nhiên, từ ngày mượn tiền cho đến nay đã hơn một năm nhưng bà L không trả bà N bất cứ khoản tiền lãi hoặc tiền gốc nào, mặc dù bà N đã nhiều lần liên hệ yêu cầu bà L trả lại cho bà N số tiền đã mượn, bà L hẹn nhiều lần mà không trả.

Bà đại diện bà N cam kết người mượn tiền của bà N là bà Phạm Thị Ngọc L. Chữ “Lan” tại hợp đồng mượn tiền là do có sự nhầm lẫn trong lúc viết.

Do đó, bà đại diện bà N yêu cầu cá nhân bà Phạm Thị Ngọc L có trách nhiệm trả cho bà N số tiền nợ gốc 375.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 23/5/2019 đến ngày 24/5/2020 với mức lãi suất 9%/năm là 33.750.000 đồng (ba mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), tổng cộng 408.750.000 đồng (bốn trăm lẻ tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), trả một lần, ngay khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bà đại diện bà N không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Bà P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và cam kết không thắc mắc hay khiếu nại gì về việc vắng mặt của mình.

Bị đơn bà Phạm Thị Ngọc L vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại bản tự khai ngày 14/7/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Phước L trình bày:

Ông là chồng của bà N. Ông biết ngày 23/5/2019 bà Đoàn Thị Ngọc N cho bà Phạm Thị Ngọc L mượn số tiền 375.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Đây là tiền chung của ông và bà N.

Ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà N về việc yêu cầu bà L trả cho ông và bà N số tiền nợ gốc 375.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 23/5/2019 đến ngày 24/5/2020 với lãi suất 9%/năm là 33.750.000 đồng (ba mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), tổng cộng 408.750.000 đồng (bốn trăm lẻ tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), trả một lần, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà P đại diện ông Lộc thống nhất với ý kiến của ông Lộc tại bản tự khai ngày 14/7/2020. Bà Đỗ Lê Tuyết P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và cam kết không thắc mắc hay khiếu nại gì về việc vắng mặt của mình

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án cụ thể như sau:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Điều 463, khoản 1 Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị Ngọc N

Về án phí: Bà Phạm Thị Ngọc L chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Đoàn Thị Ngọc N khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Phạm Thị Ngọc L. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

[2] Bà Phạm Thị Ngọc L có hộ khẩu thường trú tại A16/493A ấp 1, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời tại hợp đồng mượn tiền ngày 23/5/2019 địa điểm ký hợp đồng tại địa chỉ nêu trên nên mặc dù kết quả xác minh của Công an xã Phong Phú, huyện Bình Chánh thể hiện bà L không còn thực tế cư trú tại địa phương từ tháng 4 năm 2020 nhưng nguyên đơn không thể biết được nơi cư trú hiện nay của bị đơn, đây được coi là nơi cư trú cuối cùng của đương sự, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, điểm đ, khoản 4 Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự:

[4] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Đoàn Thị Ngọc N là bà Đỗ Lê Tuyết P, bà P cũng là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Phước L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà P là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Phạm Thị Ngọc L nhưng bà L vẫn không đến Tòa tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà L là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực, nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[7] Xét yêu cầu của đương sự:

[8] Căn cứ hợp đồng mượn tiền ngày 23/5/2019, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thì có cơ sở xác định giữa bà Đoàn Thị Ngọc N và bà Phạm Thị Ngọc L có giao kết với nhau một hợp đồng dân sự thể hiện việc bà N cho bà L vay số tiền 375.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng), với lãi suất 3%/tháng, không thỏa thuận rõ về thời hạn trả tiền.

[9] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định, từ khi mượn tiền đến nay, bị đơn chưa trả cho nguyên đơn bất kỳ khoản tiền nợ gốc và tiền lãi nào.

[10] Bà L đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nêu rõ yêu cầu của bà N nhưng bà L vẫn không đến Tòa trình bày ý kiến, tham dự các buổi hòa giải, xét xử theo quy định mà vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án căn cứ vào khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án.

[11] Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự có cơ sở xác định bà Phạm Thị Ngọc L còn nợ lại bà Đoàn Thị Ngọc N số tiền nợ gốc là 375.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

[12] Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng”*.

[13] Điều 280 Bộ luật dân sự quy định:

“Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức thỏa thuận.

Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”

[14] Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”*

[15] Về lãi suất:

[16] Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“lãi suất do các bên thỏa thuận*

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác”.

Căn cứ vào quy định nêu trên, tại hợp đồng mượn tiền ngày 23/5/2019 bà N cho bà L vay với lãi suất cao hơn quy định của pháp luật, tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bà N đã thay đổi yêu cầu tính lãi còn 9%/năm (0,75%/tháng) tính từ ngày 23/5/2019 đến ngày 24/5/2020 là 33.750.000 đồng (ba mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[17] Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 14 do Ủy ban nhân dân xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/8/1997 thì có cơ sở xác định ông Ngô Phước L là chồng của bà Đoàn Thị Ngọc N. Ông Lộc xác định số tiền bà N cho bà L vay là tiền chung của ông và bà N.

[18] Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Phạm Thị Ngọc L trả cho bà Đoàn Thị Ngọc N và ông Ngô Phước L số tiền nợ gốc là 375.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 23/5/2019 đến ngày 24/5/2020 là 33.750.000 đồng. Tổng cộng là 408.750.000 đồng (bốn trăm lẻ tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

[19] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà L chịu 20.350.000 đồng (hai mươi triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

[20] Nguyên đơn bà Đoàn Thị Ngọc N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm đ khoản 4 Điều 189, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 280, Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1, khoản 2 Điều 468, Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Ngọc N đối với bà Phạm Thị Ngọc L.

Buộc bà Phạm Thị Ngọc L có trách nhiệm trả cho bà Đoàn Thị Ngọc N và ông Ngô Phước L số tiền 408.750.000 đồng (bốn trăm lẻ tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Hủy hợp đồng mượn tiền ngày 23/5/2019 giữa bà Đoàn Thị Ngọc N với bà Phạm Thị Ngọc L.

4. Về án phí:

4.1. Bà Phạm Thị Ngọc L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 20.350.000 đồng (hai mươi triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

4.2. Bà Đoàn Thị Ngọc N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.175.000 đồng (mười triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0079450 ngày 11/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND H.BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Lưu VP, hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy

